NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 9401/2025/CV-TGĐ	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v: Công bố thông tin về tình hình tài chính	*Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2025*

Kính gửi: **- Sở giao dịch chứng khoán**
- Nhà đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1400116233

Ngày cấp: 29/11/1993 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

Và các lần sửa đổi, bổ sung

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, 5, 6 Tòa nhà Thành Công, Ô đất P-D17 Khu đô thị Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Số điện thoại: (024) 6281 1298

- Địa chỉ thư điện tử: vanthu@pgbank.com.vn

- Loại hình doanh nghiệp: Tổ chức tín dụng

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

+ Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
+ Cấp tín dụng dưới các hình thức: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước.
+ Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
+ Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
+ Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
+ Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
+ Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
+ Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
+ Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
+ Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
+ Dịch vụ môi giới tiền tệ.
+ Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung), Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
+ Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
+ Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
+ Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
+ Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
+ Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
+ Mua nợ.
+ Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

- Mã số thuế: 1400116233

2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025).

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo:

Chỉ tiêu	Kỳ trước (30/06/24)	Kỳ báo cáo (30/06/25)
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)	4.995.099.000.000	6.177.553.000.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.200.000.000.000	4.999.935.000.000
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	320.256.000.000	388.217.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	474.843.000.000	789.401.000.000
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
- Chênh lệch tỷ giá	-	-
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)	54.663.708.000.000	72.356.347.000.000
- Nợ vay ngân hàng	-	-
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	500.000.000.000	1.700.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	*500.000.000.000*	*1.700.000.000.000*
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	-	-
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	-	-
- Nợ phải trả khác	54.163.708.000.000	70.656.347.000.000
+ Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	*95.396.000.000*	*747.797.000.000*
+ Tiền gửi của các Tổ chức tín dụng khác	*15.857.116.000.000*	*18.671.324.000.000*
+ Tiền gửi của khách hàng	*37.391.706.000.000*	*46.726.281.000.000*
+ Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	*9.244.000.000*
+ Nợ vay từ phát hành giấy tờ có giá (không bao gồm trái phiếu)	-	*3.350.000.000.000*
+ Các khoản lãi, phí phải trả	*627.280.000.000*	*966.654.000.000*

+ Các khoản phải trả và công nợ khác	*192.210.000.000*	*185.047.000.000*
3. Cơ cấu vốn (lần):		
- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,92	0,92
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	10,94	11,71
4. Khả năng thanh toán (lần):		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)		
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn)		
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)		
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần):		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu	0,10	0,28
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu	0,10	0,28
6. Lợi nhuận (đồng):		
- Lợi nhuận/Lỗ trước thuế	211.193.000.000	265.317.000.000
- Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính	168.796.000.000	211.666.000.000
- Lỗ lũy kế (nếu có)	-	
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,28%	0,27%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,38%	3,43%
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành	Chi tiết tại bảng tiếp theo	

(Nguồn: BCTC 6 tháng đã được soát xét năm 2024 và 2025 của PGBank)

- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với ngân hàng:

Các chỉ tiêu	Kỳ trước (28/06/24)	Kỳ báo cáo (30/06/25)	Giới hạn của NHNN
1. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR, %)	11,83%	10,71%	≥ 8%
2. Tỷ lệ khả năng chi trả (%)			
2.1. Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	20,98%	19,32%	≥ 10%
2.2. Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (VNĐ)	86,26%	107,02%	≥ 50% hoặc < 0
2.3. Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày với USD và ngoại tệ khác	158,35%	-41,34%	≥ 10% hoặc < 0
3. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn (%)	23,36%	22,10%	≤ 30%
4. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)	68,41%	64,62%	≤ 85%

5. Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có (%)			
5.1. Trạng thái ngoại tệ dương so với vốn tự có	0,43%	2,00%	≤ 20%
5.2. Trạng thái ngoại tệ âm so với vốn tự có	0,00%	0,00%	≥ -20%
5.3. Trạng thái vàng cuối ngày so với vốn tự có	Không phát sinh	Không phát sinh	
6. Tỷ lệ đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh so với tổng nợ phải trả bình quân tháng liền kề trước đó	3,58%	3,50%	≤ 30%
7. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của NHTM vào các doanh nghiệp. Bao gồm cả mức vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết của NHTM đó so với VĐL và quỹ dự trữ của NHTM	5,00%	4,19%	≤ 40%

(Nguồn: BCTC 6 tháng đã được soát xét năm 2024 và 2025 của PGBank)

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính 6 tháng đã được soát xét năm 2025:

- Báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng năm 2025 của PGBank được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC 6 tháng năm 2025 của PGBank là ý kiến chấp nhận toàn phần, cụ thể như sau: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ".

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Việt Tiến

Chuyên viên Kinh doanh nguồn vốn

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

M.S.D.N: 1400 6233 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC KHỐI NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TIỀN TỆ

Lê Thị Hiền